TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/DS-ST.
Ngày 11/9/2020.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Hiếu.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng;
2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lệ Huyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong các ngày 10 và 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2020, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Trần Hữu B, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm C, phường D, thành phố L, Đồng Tháp.

Người đại diện: Ông Trần Huỳnh V, sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ K, khóm H, phường M, thành phố L, Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền.

2/ *Bị đơn*: Trần Thị N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số AA, tổ B, khóm C, phường D, thành phố L, Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Trương Văn B, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số AA, tổ B, khóm C, phường D, thành phố L, Đồng Tháp.

Ông Trần Huỳnh V, bà Trần Thị N có mặt; ông Trương Văn B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Hữu B (có ông Trần Huỳnh V đại diện) trình bày:* Trong năm 2019 ông B có cho bà N vay nhiều lần tổng, cụ thể như sau

Ngày 11/6/2019 (ngày 09/5/2019 âl), ông B cho bà N vay 10.000.000 đồng;

Ngày 14/6/2019 (ngày 12/5/2019 âl), ông B cho bà N vay 3.000.000 đồng;

Ngày 31/7/2019 (ngày 29/6/2019 âl), ông B cho bà N vay 4.000.000 đồng;

Ngày 22/8/2019 (ngày 22/7/2019 âl), ông B cho bà N vay 24.000.000 đồng.

Tổng cộng ông B đã cho bà N vay 41.000.000 đồng, các lần vay đều làm biên nhận nợ, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày

vay, mục đích bà N vay tiền là để kinh danh quán nhậu và sử dụng gia đình, việc bà N vay tiền ông B thì ông B (chồng bà N) B rõ, từ khi vay đến nay, bà N chỉ trả được 01 tháng tiền lãi, không nhớ số tiền bao nhiêu, ông B đã nhiều lần yêu cầu bà N, ông B trả số tiền vốn vay nhưng đến nay vẫn chưa trả cho ông B được khoản tiền nào.

Theo đơn ông B yêu cầu bà N và ông B liên đới trả số tiền vốn vay 41.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/11/2019 với số tiền là 2.014.800 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 43.041.800 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi tiếp đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, ông V đại diện ông B yêu cầu bà N trả tiền vốn 41.000.000 đồng và chỉ yêu cầu tính tiền lãi 12 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền là 4.083.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 45.083.000 đồng, không yêu cầu ông B liên đới trả.

- *Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn Trần Thị N trình bày:* Trong năm 2019 bà N có vay của ông B 03 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 09/5/2019 (âm lịch) vay 10.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, vay dùng để mua bán xoài, khi vay hẹn hết mùa xoài sẽ trả (khoảng 05 – 06 tháng), lãi suất 6.000.000 đồng/tháng, bà N đã trả tiền lãi được 07 tháng, khi trả lãi không có làm biên nhận.

Lần 2: Ngày 12/5/2019, bà N vay của ông B 3.000.000 đồng, không xác định thời hạn trả, lãi suất 1.800.000 đồng/tháng, bà N đã trả lãi được 05 tháng, khi trả lãi không có làm biên nhận.

Lần 3: Ngày 13/10/2019 (âm lịch), bà N vay của ông B 5.000.000 đồng, không có làm biên nhận, thời hạn vay 22 ngày, lãi suất 100.000 đồng/ngày, bà N đã trả lãi được 01 tháng, khi trả lãi không có làm biên nhận, bà N đã trả cho ông B được 1.000.000 đồng tiền vốn, còn lại 4.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 lần vay trên là 18.000.000 đồng.

Đối với biên nhận vay 10.000.000 đồng, ngày 09/5/2019 và 3.000.000 đồng ngày 12/5/2019 (âm lịch) viết trên cùng 01 trang giấy tập học sinh ông B xuất trình, bà N ký và ghi họ tên.

Đối với biên nhận 4.000.000 đồng ngày 22/7/2019 (âm lịch), do ông B xuất trình, do bà N ký tên và ghi họ tên, bà N không xác định được lý do gì bà ký và ghi họ tên.

Khi bà N không còn khả năng trả tiền lãi của các khoản vay trên, ông B tính lãi 6.000.000 đồng, cộng tiền vốn 18.000.000 đồng, thành tổng cộng 24.000.000 đồng, ông B ghi biên nhận nợ 24.000.000 đồng ngày 22/7/2019 (âm lịch) yêu cầu bà N ký tên vào nên bà ký và ghi họ tên.

Khi bà N vay tiền, ông B (chồng bà N) không B việc bà N vay tiền, bà N vay tiền ông B để mua bán xoài kiếm lời tiêu xài cá nhân.

Nay bà N đồng ý trả cho ông B số tiền vốn 18.000.000 đồng, nhưng trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi xong nợ. Bà N không yêu cầu điều chỉnh tiền lãi do khi trả lãi không có làm biên nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, với bị đơn Trần Thị N, địa chỉ: Số AA, tổ B, khóm C, phường D, thành phố L, Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn B vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét tiền vốn: ông B có xuất trình cho Tòa án gồm:

Biên nhận ngày 09/5/2019 (âl);

Biên nhận ngày 12/5/2019 (âl);

Biên nhận ngày 29/6/2019 (âl),

Biên nhận vay ngày 22/7/2019 (âl).

Tổng cộng 04 biên nhận trên, thể hiện ông B cho bà N vay tổng cộng 41.000.000 đồng, bà N cũng thừa nhận ký và ghi họ tên vào các biên nhận trên. Do đó đủ căn cứ xác định ông B cho bà N vay số tiền 41.000.000 đồng, nên bà N phải trả cho ông B số tiền vốn 41.000.000 đồng.

- Xét tiền lãi: Từ khi vay đến nay đã hơn 12 tháng, nhưng ông B chỉ yêu cầu trả lãi 12 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền là 4.083.000 đồng, là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày của bà N: Bà N trình bày có vay của ông B 03 lần tổng cộng 18.000.000 đồng, sau đó do bà không có tiền tính lãi nên tính tiền lãi tổng 6.000.000 đồng cộng tiền vốn 18.000.000 đồng ghi thành biên nhận thành 24.000.000 đồng, nhưng biên nhận ghi 24.000.000 đồng không thể hiện tổng cộng các khoản nợ trước đó, bà N không có chứng cứ nào khác chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận.

Việc bà N yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N có trách nhiệm trả cho ông B số tiền vốn và lãi là 45.083.000 đồng nên phải chịu án phí là 2.254.000 đồng (45.083.000 đồng x5%) theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ và các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hữu B, yêu cầu bà Trần Thị N trả số tiền vốn và lãi là 45.083.000 đồng.

- Buộc bà Trần Thị N trả cho ông Trần Hữu B số tiền vốn và lãi là 45.083.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Buộc bà Trần Thị N phải chịu 2.254.000 đồng. Ông B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.076.000 theo biên lai số 0001565, ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự.
- Lưu.

Đinh Tấn Hiếu